

EXERCISE 1: MATCH THE WORDS WITH THE PICTURES

match



go shopping

play soccer

hang out with friends

have a barbecue

go swimming

have a picnic

EXERCISE 2: MATCH THE MEANING OF THESE WORDS IN VIETNAMESE

match

PLAY SOCCER

đi tiệc nướng ngoài trời

HANG OUT WITH FRIENDS

đi mua sắm

GO SHOPPING

đi chơi với bạn

GO SWIMMING

chơi đá bóng

HAVE A PICNIC

đi dã ngoại

HAVE A BARBECUE

đi bơi

EXERCISE 3: REWRITE THE SENTENCES (SẮP XẾP LẠI CÂU) *m/c*

1. are / What / you / do / to / weekend / this / going / ?

2. am / I / to / soccer / going / play

3. She / going / shopping / is / to / go

4. are / barbecue / have / We / to / going / a

EXERCISE 4: LOOK AND ANSWER. *m/c*

1. **What are you going to do this weekend?**

We're going to go swimming.



2.



3.



4.



5.



6.



GOOD LUCK!